Số: 252/QĐ-UBND
Thời gian ký: 16/02/2023 08:36:28 +07:00

Phụ lục II

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				TT Liên sơn	Xã Bông Krang	Xã Yang Tao	Xã Đắk Liêng	Xã Buôn Tría	Xã Buôn Triết	Xã Đắk Phơi	Xã Đắk Nuê	Xã Ea Rbin	Xã Krông Nô	Xã Nam Ka
	Tổng		**118,59**	**18,66**	**44,42**	**20,91**	**1,11**	**13,99**	**17,94**	**0,46**		**1,10**		
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**115,28**	**15,91**	**44,02**	**20,91**	**1,05**	**13,99**	**17,84**	**0,46**		**1,10**		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	19,63	2,78	2,35	1,00	0,91	8,92	3,17			0,50		
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*19,18*	2,23	2,35	1,10	0,91	8,92	3,17			0,50		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	12,68	3,09	2,17	0,53	0,14	2,10	3,89	0,26		0,50		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	25,06	8,91	0,35	1,94		2,90	10,66	0,20		0,10		
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	57,62	1,13	39,10	17,39								
1.5	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	0,29		0,05	0,05		0,07	0,12					
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**2,86**	**2,30**	**0,40**		**0,06**		**0,10**					
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,30	0,30										
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,56		0,40		0,06		0,10					
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	2,00	2,00										
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**0,45**	**0,45**										